

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐÔNG HẢI  
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 136/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/12/2021

(V/v Tranh chấp xin ly hôn)

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Hải Đăng

*Các hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông Nguyễn Văn Tịnh

2/. Ông Nguyễn Minh Hoàng

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Mộng Nghi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trung Thai, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 202/2021/TLST-HN ngày 04 tháng 10 năm 2021 về việc “tranh chấp xin ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

**1/. Nguyên đơn:** Anh **Trần Qui N**, sinh năm 1990

Địa chỉ: ấp HV, xã AT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

**2/. Bị đơn:** Chị **Thị Th**, sinh năm 1995

Địa chỉ: ấp HV, xã AT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu.

*(Anh N có đơn xin vắng mặt, chị Th vắng mặt không lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 14/9/2021 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Trần Qui N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Thị Th cưới nhau vào khoảng năm 2012, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã AT vào ngày 10/02/2014 và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật.

Nguyên nhân ly hôn theo anh N xác định: thời gian đầu chung sống với nhau thì vợ chồng anh chị sống hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây thì vợ chồng anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn và không còn hạnh phúc. Lý do chính là do phát hiện vợ anh nhiều lần nhắn tin qua lại với người đàn ông khác, khi anh nhắc nhở thì vợ anh giận dữ, cự cãi, dẫn tới cuộc sống vợ chồng ngày càng căng thẳng. Vợ chồng anh chị ly thân khoảng hơn 05 tháng qua. Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng cũng không thể hàn gắn lại được nên anh N yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với vợ anh là chị Thị Th.

Về quan hệ con chung: anh N xác định thời gian chung sống vợ chồng anh chị có 02 người con chung tên Trần Như A, sinh ngày 28/12/2012 và Trần Như B, sinh ngày 26/11/2016. Hiện cả hai con đang sống cùng với anh. Khi ly hôn anh N yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: anh N xác định vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không có nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng anh chị. Khi ly hôn anh N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với chị Thị Th: Mặc dù chị Th đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm việc và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chị Th vẫn không đến Tòa án để làm việc theo nội dung giấy triệu tập của Tòa án, và cũng không có lý do chính đáng. Do đó, Tòa án sẽ tiến hành giải quyết vắng mặt đối với chị Th theo đúng trình tự quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của nguyên đơn là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn chị Thị Th chấp hành chưa nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về nội dung vụ án: giữa anh N và chị Th kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nhưng do thời gian chung sống anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn không hàn gắn được, hiện tại anh N xác định anh không còn tình cảm với chị Th. Điều này chứng tỏ như vậy cuộc sống vợ chồng của anh N và chị Th nếu tiếp tục kéo dài thì cũng không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho anh N được ly hôn với chị Th là phù hợp với quy định của pháp luật;

Về con chung: Từ lúc anh N và chị Th ly thân với nhau thì hai người con tên Trần Như A, sinh ngày 28/12/2012 và Trần Như B, sinh ngày 26/11/2016 là do anh N trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Anh N vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển của con sau này. Đồng thời nguyện vọng của người con tên Trần Như A là muốn được tiếp tục sống cùng với anh N. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao cả người con tên Trần Như A, sinh ngày 28/12/2012 và Trần Như B, sinh ngày 26/11/2016 cho anh N được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Chị Th có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở. Anh N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Khi ly hôn anh N và chị Th không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí thì anh N phải chịu theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh N có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với chị Th. Chị Th có địa chỉ cư trú tại huyện Đông Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

Anh N có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh N.

Chị Th đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, nhưng chị Th vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Th.

[2] Về nội dung vụ án: giữa anh N và chị Th kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, đã được Ủy ban nhân dân xã AT cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 10/02/2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của anh N đối với chị Th thì Hội đồng xét xử thấy rằng: mục đích của hôn nhân là để tạo dựng một gia đình hạnh phúc, vợ chồng phải biết yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau, giúp đỡ nhau cùng nhau tiến bộ. Nhưng thời gian chung sống anh N và chị Th lại không làm được, mà còn phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn lại được. Anh chị cũng đã ly thân khoảng 05 tháng qua. Trong thời gian qua cả hai anh chị đều không có biện pháp cụ thể nào để thể hiện anh chị muốn hàn gắn lại với nhau, anh chị không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Quá trình tố tụng anh N cũng xác định hiện tại chị không còn tình cảm gì với chị Th, nếu vợ chồng quay về với nhau thì cuộc sống chung cũng không còn hạnh phúc.

Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm của vợ chồng phải được xuất phát từ hai phía, nhưng phía anh N xác định hiện tại anh đã không còn tình cảm gì với chị Th, như vậy chứng tỏ cuộc sống vợ chồng của anh N và chị Th là không thể hàn gắn lại được, cuộc sống chung đã không còn hạnh phúc, tình trạng hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên căn cứ vào Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh N đối với chị Th là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về nuôi con chung: Từ lúc anh N và chị Th ly thân với nhau thì hai người con tên Trần Như A, sinh ngày 28/12/2012 và Trần Như B, sinh ngày 26/11/2016 là do anh N trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Anh N vẫn đảm bảo về điều kiện nuôi con và sự phát triển của con sau này. Đồng thời nguyện vọng của người con tên Trần Như A là muốn được tiếp tục sống cùng với anh N. Do đó Hội đồng xét xử xem xét giao cả

người con tên Trần Như A, sinh ngày 28/12/2012 và Trần Như B, sinh ngày 26/11/2016 cho anh N được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục là hoàn toàn phù hợp.

Về mức cấp dưỡng nuôi con do anh N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết. Chị Th có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: anh N và chị Th không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Qui N; Xử cho anh Trần Qui N được ly hôn với chị Thị Th.

2/. Về nuôi con chung: Giao cả hai người con tên Trần Như A, sinh ngày 28/12/2012 và Trần Như B, sinh ngày 26/11/2016 cho anh Trần Qui N được tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục.

Chị Thị Th có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

Về mức cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết. Tạm thời miễn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị Thị Th.

3/. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về án phí hôn nhân và gia đình: anh Trần Qui N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001757 ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho anh Trần Qui N và chị Thị Th biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
*đã ký*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh BL
- VKSND huyện Đông Hải
- THA huyện Đông Hải
- UBND xã AT
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

**Lưu Hải Đăng**